

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế  
Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1936/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ quy hoạch Phân khu xây dựng Khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ văn bản số 1424/BXD - QHKT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc thỏa thuận Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1044/TTr-SCT ngày 03 tháng 8 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, ranh giới: Phạm vi lập quy hoạch phân khu có diện tích là 5.940ha, thuộc địa giới hành chính 5 xã ven biển phía Đông huyện Hải Lăng (Hải An, Hải Khê, Hải Dương, Hải Quế, Hải Ba). Ranh giới khu vực được giới

hạn như sau:

- Phía Đông Bắc giáp biển Đông;
- Phía Đông Nam giáp huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế;
- Phía Tây Nam giáp Quốc lộ 49C;
- Phía Tây Bắc giáp đường tỉnh ĐT.583 và xã Triệu Lăng.

## 2. Tính chất

- Là khu vực trọng tâm phát triển của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, nơi bố trí các dự án động lực quan trọng để xây dựng và phát triển của khu kinh tế gồm các ngành, lĩnh vực: Sản xuất năng lượng, thương mại dịch vụ, giao thương quốc tế và cảng biển nước sâu, Logistics;

- Là khu vực dân cư làng xóm hiện hữu, các điểm tái định cư, khu nhà ở cho công nhân và các chuyên gia;

- Là khu vực có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ theo hướng hiện đại, kiến trúc cảnh quan hài hòa, đảm bảo an toàn môi trường.

## 3. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1936/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2016. Đảm bảo đáp ứng lâu dài cho các nhu cầu hoạt động của các cơ sở sản xuất, dịch vụ, các khu dân cư và khu đô thị, các khu chức năng hỗ trợ phát triển cho các dự án động lực của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị;

- Từng bước tạo dựng không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa với cảnh quan chung, có nét đặc trưng địa phương. Bảo vệ tốt hệ thống môi trường sinh thái, cảnh quan;

- Làm cơ sở cho việc xây dựng các khu dân sinh có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại, hoàn thiện về dịch vụ, đảm bảo chất lượng cuộc sống tốt;

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý quy hoạch kiến trúc và đầu tư xây dựng, lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, triển khai các dự án đầu tư xây dựng.

4. Quy hoạch sử dụng đất: Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch phân khu là 5.940ha, bao gồm các chức năng sau:

**Bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:**

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>5940,0</b>	<b>100,0</b>
<b>A</b>	<b>KHU CÁC DỰ ÁN ĐỘNG LỰC</b>		<b>1195,0</b>	<b>20,1</b>
1	Đất xây dựng cảng biển Mỹ Thủy (sân cảng 335ha)		335	

2	Trung tâm tiếp nhận và xử lý khí (Nhà máy nhiệt điện khí, khu kỹ thuật tiếp khí vào bờ, kho) - Nhà máy nhiệt điện khí 200ha - Khu tiếp và xử lý khí 155ha		355	
3	Trung tâm nhiệt điện BOT Quảng Trị		505	
3.1	- Nhà máy nhiệt điện BOT		450	
3.2	- Khu đất dự trữ phát triển nhà máy nhiệt điện		55	
<b>B</b>	<b>KHU VỰC PHỤ CẬN</b>		<b>4745,0</b>	<b>79,9</b>
<b>I</b>	<b>ĐẤT DÂN DỤNG</b>		<b>1056,8</b>	<b>17,8</b>
<b>1.1</b>	<b>Đất ở</b>		<b>694,8</b>	
1.1.1	Đất nhóm nhà ở tái định cư	NO	220,0	
	- Khu tái định cư Hải An	NO 1	170,0	
	- Khu tái định cư Hải Khê (giai đoạn 1)	NO 2	50,0	
1.1.2	Đất dân cư hiện trạng		376,5	
1.1.3	Đất ở chuyên gia	CG	49,4	
1.1.4	Đất ở công nhân	OCN 1	48,9	
<b>1.2</b>	<b>Đất công cộng</b>	<b>CCDT</b>	<b>90,3</b>	
1.2.1	Đất cụm trường học	CTH	3,4	
1.2.2	Đất trung tâm y tế	VHYT	1,5	
1.2.3	Đất công cộng hỗn hợp	CCDT	85,4	
<b>1.3</b>	<b>Đất cây xanh công viên - TDDT</b>	<b>CXCV</b>	<b>21,4</b>	
<b>1.4</b>	<b>Đất dịch vụ</b>		<b>132,7</b>	
1.4.1	Đất dịch vụ thương mại	DV	111,5	
1.4.2	Đất dịch vụ văn hóa	DVVH	21,2	
<b>1.5</b>	<b>Đất giao thông</b>		<b>117,6</b>	
<b>II</b>	<b>ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG</b>		<b>2722,3</b>	<b>45,8</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất khu phi thuế quan</b>	<b>PTQ</b>	<b>275,0</b>	
<b>2.2</b>	<b>Đất khu vực hỗ trợ phát triển cảng biển (Logistic,...)</b>	<b>CNCB</b>	<b>119,4</b>	
<b>2.3</b>	<b>Đất công nghiệp phụ trợ</b>		<b>299,2</b>	
2.3.1	Đất công nghiệp hỗn hợp	CNHH	92,9	
2.3.2	Đất công nghiệp hỗ trợ nhà máy nhiệt điện	CNND	59,6	
2.3.3	Đất công nghiệp hỗ trợ khu phức hợp năng lượng	CNPH	146,7	
<b>2.4</b>	<b>Đất tiêu thụ công nghiệp</b>	<b>TTCN</b>	<b>97,4</b>	
<b>2.5</b>	<b>Đất kho tàng</b>	<b>KT</b>	<b>89,7</b>	
<b>2.6</b>	<b>Đất du lịch</b>	<b>DLST</b>	<b>53,8</b>	
<b>2.7</b>	<b>Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>HTKT</b>	<b>4,9</b>	

<b>2.8</b>	<b>Đất giao thông (đôi ngoài)</b>		<b>410,3</b>	
<b>2.9</b>	<b>Đất cây xanh</b>		<b>962,9</b>	
2.9.1	Đất cây xanh chuyên đề	CXCD	517,0	
2.9.2	Đất cây xanh cách li	CXCL	333,4	
2.9.3	Mặt nước	MN	112,5	
<b>2.10</b>	<b>Đất nghĩa trang</b>	NT	<b>409,7</b>	
<b>III</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>		<b>965,9</b>	<b>16,3</b>
<b>3.1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	NN	<b>531,5</b>	
3.1.1	Đất chăn nuôi công nghệ cao	CNCNC	19,1	
3.1.2	Đất nuôi trồng thủy hải sản	NTS	23,5	
3.1.3	Đất lúa	DL	214,7	
3.1.4	Đất hoa màu	R	217,7	
3.1.5	Đất sản xuất nông nghiệp tập trung	NNTT	56,5	
<b>3.2</b>	<b>Đất rừng</b>		<b>362,2</b>	
3.2.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	287,9	
3.2.2	Đất rừng sản xuất	RSX	74,3	
<b>3.3</b>	<b>Đất bãi cát</b>	BC	<b>32,8</b>	
<b>3.4</b>	<b>Đất trung tâm hỗ trợ nghề cá</b>	HTNC	<b>11,5</b>	
<b>3.5</b>	<b>Đất an ninh quốc phòng (đồn biên phòng)</b>	ANQP	<b>9,9</b>	
<b>3.6</b>	<b>Đất dự trữ phát triển khu nhà ở</b>	DTNO	<b>18,0</b>	
	<b>TỔNG</b>		<b>5940,0</b>	<b>100,0</b>

### **5. Phân khu chức năng và tổ chức không gian:**

Không gian khu quy hoạch được phân thành 06 khu vực có chức năng và tổ chức như sau:

- **Khu số 1:** Khu dự án động lực, có diện tích 1.195,0ha; vị trí đặt tại trung độ của khu đất, tiếp giáp về phía biển Đông; là Khu vực xây dựng các dự án động lực, trọng tâm phát triển của toàn Khu kinh tế Đông Nam; Trung tâm lớn về năng lượng, cảng biển nước sâu của vùng, gồm có các phân khu:

+ Xây dựng Khu cảng biển Mỹ Thủy có quy mô 335ha, cho phần diện tích đất xây dựng sân cảng;

+ Xây dựng Trung tâm nhiệt điện Quảng Trị 1 có quy mô 505ha, trong đó đất dành cho Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị là 450ha, phần diện tích còn lại 55ha dành cho dự trữ phát triển;

+ Xây dựng Khu tiếp nhận và xử lý khí có quy mô 355ha, trong đó diện tích khu vực tiếp nhận, xử lý khí, kho khí và dầu khoảng 155ha kế cận cảng biển Mỹ Thủy và biển Đông, phần diện tích nội địa còn lại khoảng 200ha bố trí Nhà máy nhiệt điện khí;

+ Xây dựng hành lang kỹ thuật truyền tải năng lượng, kết nối với khu Nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị rộng 50m.

- **Khu số 2:** Khu hỗ trợ phát triển các dự án động lực, có diện tích 828,4ha. Vị trí tiếp giáp, bao ven các dự án động lực, gồm có các phân khu:

+ Khu phi thuế quan, bố trí phía Tây - Nam kề cận cảng biển Mỹ Thủy, có diện tích 275ha; trong đó bố trí các lô đất giành cho các phân khu chức năng bên trong như sau: Khu thương mại đặc biệt; Khu thương mại công nghiệp; Khu thương mại tự do; Khu bảo thuế. Xây dựng hàng rào cứng xung quanh khu vực, bố trí kiểm soát hải quan tại cổng chính;

+ Các khu hỗ trợ phát triển cảng biển Mỹ Thủy:

Xây dựng Khu Logistics, tại vị trí phía Nam kề cận cảng biển Mỹ Thủy và khu Phi thuế quan, quy mô 119,4ha để bố trí trung tâm điều hành quản lý khu vực, kho tàng, kho trung chuyển, hệ thống trung tâm dịch vụ tiếp vận, và các hạng mục hạ tầng phục vụ xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa;

Xây dựng Khu công nghiệp hỗn hợp chức năng: Bố trí phía Nam khu Logistics quy mô 92,9ha để bố trí các kho tàng bến bãi, Nhà máy cầu kiện bê tông đúc sẵn phục vụ phát triển xây dựng cảng, công nghiệp sản xuất chế biến gỗ và chế biến các loại nông lâm sản khác...v.v;

+ Xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ phát triển Nhà máy nhiệt điện: Tại phía Nam Trung tâm nhiệt điện với quy mô 59,6ha; bao gồm các loại hình công nghiệp vật liệu xây dựng, gạch không nung, bê tông nhẹ, phụ gia bê tông, các công trình kho bãi,...cột bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông đúc sẵn phục vụ ngành điện;

+ Xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ phát triển khu phức hợp năng lượng: Bố trí phía Tây Nam khu phức hợp năng lượng, có quy mô 146,7ha; bao gồm: công nghiệp xử lý các sản phẩm khí, công nghiệp sản xuất đạm - amon, công nghiệp bao bì, công nghiệp gốm sứ, thủy tinh công nghệ cao, công nghiệp vật liệu công nghệ cao, công nghiệp lắp ráp ô tô xe máy, sản xuất bông sợi thủy tinh, thủy tinh bọt, sứ thủy tinh, kính xây dựng và dân dụng, kính float, pha lê, vật liệu composit, men frit... diện tích kho tàng chung là 89,7ha...v.v;

+ Xây dựng Trung tâm điều hành quản lý Khu kinh tế, Khu trung tâm thu hút đầu tư đặc biệt: Tại khu vực kề cận nút giao Quốc lộ 15D và Đường trục chính trung tâm Khu kinh tế (gần đê cát) có diện tích 45,1ha; xây dựng Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và dịch vụ, chợ đầu mối cấp vùng.

- **Khu số 3:** Hành lang xanh, vành đai xanh; Có diện tích 1206,7ha; bố trí bao ven các dự án động lực, khu công nghiệp, ven kênh, biển và mặt nước tự nhiên, khu vực làng xóm hiện hữu, các vùng nông nghiệp và các nghĩa trang nghĩa địa; là vùng đệm xanh, hành lang cây xanh cách li, thoát lũ, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan;

+ Hành lang thoát lũ: 200ha, bố trí phía Bắc khu vực quy hoạch và khu vực tiếp giáp với huyện Triệu Phong; giữ nguyên trạng hệ thống thoát nước tự nhiên, cây xanh hiện hữu; là khu vực dự trữ xây dựng công trình thoát lũ chính của toàn vùng; chiều rộng 700-1.000m dài khoảng 4.500m, chạy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, thoát lũ cho lưu vực sông Thạch Hãn, sông Nhùn ra phía biển;

+ Vành đai cây xanh cách ly: Diện tích 575,8ha ngăn tách các khu công nghiệp, nghĩa địa, tuyến hạ tầng kỹ thuật với khu dân cư và đô thị bố trí cho các khu vực như sau:

\* Bố trí 205ha bao ven phía Nam nhà máy nhiệt điện cách ly Khu tái định cư xã Hải Khê; Khu cây xanh phía Bắc khu phức hợp năng lượng;

\* Bố trí 170ha ngăn cách với khu tái định cư Hải An;

\* Bố trí 200,8ha xung quanh cách ly các điểm nghĩa địa tập trung;

+ Cây xanh cảnh quan: Nhằm ổn định rừng phòng hộ, cây xanh ven biển, ven suối, mặt nước hiện có; giữ gìn và khoanh trồng các dải cây xanh quanh các khu vực nghĩa trang hiện hữu bảo tồn theo quy hoạch;

+ Ổn định tối đa hệ thống nghĩa trang, nghĩa địa dân sinh hiện hữu, tổng diện tích 409,7ha được trồng dải cây xanh bao quanh các điểm nghĩa trang tập trung, tạo cảnh quan và hạn chế phát triển mở rộng;

+ Xây dựng Khu dịch vụ văn hóa Kim Long diện tích 21,2ha; xây dựng, cải tạo các trung tâm xã theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

- **Khu số 4:** Khu tái định cư xã Hải An, có diện tích 170ha, dân số 10.000 người, chỉ tiêu đất ở tái định cư  $300 \div 400\text{m}^2/\text{lô}$ ; vị trí nằm ở phía Bắc khu tiếp giáp vào bờ và biển Đông; là khu tái định cư phục vụ di dân để giải phóng mặt bằng xây dựng Cảng biển Mỹ Thủy và khu phức hợp năng lượng;

Khu công cộng và cây xanh: 30ha, bố trí tại lõi trung tâm khu vực, cơ bản phục vụ cho nội bộ điểm dân cư, trong đó bố trí trường học, y tế, các công trình công cộng và thiết chế văn hóa thể thao thiết yếu khác;

Khu nghĩa địa tái định cư mới: 10ha bố trí xen trong khu cây xanh cách ly với Nhà máy nhiệt điện khí.

- **Khu số 5:** Khu dân cư làng xóm hiện hữu, vùng đệm: Có diện tích 1.289ha; vị trí tại phía Tây Nam trục đường chính trung tâm dọc Khu kinh tế (đường gàu đê cát); là khu dân cư làng xóm cải tạo chỉnh trang và vùng nông, lâm nghiệp với chức năng đệm và bảo vệ môi trường. Bao gồm: Làng xóm dân cư hiện trạng kết hợp các khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, điểm tiểu thủ công nghiệp làng nghề, các điểm dịch vụ và văn hóa. Dân số đến năm 2035 trong khu vực có khoảng 27.000 người, trong đó: Xã Hải Dương là 9.000 người, xã Hải Quế và xã Hải Ba là 18.000 người được quy hoạch như sau:

+ Khu dân cư hiện hữu: Các khu dân cư hiện có trong khu vực được giữ

nguyên, không di dời và được bổ sung các công trình hạ tầng cơ sở nhằm nâng cao chất lượng đời sống và sản xuất cho người dân;

+ Di dời một số các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư đến các điểm công nghiệp theo quy hoạch; di dời các điểm chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường đến các điểm trang trại chăn nuôi tập trung theo quy hoạch;

+ Bổ sung một số vị trí đất khai thác dịch vụ, đất ở nông thôn mới theo mô hình đô thị nông nghiệp tại một số vị trí thuận lợi về giao thông đáp ứng nhu cầu mở rộng của các điểm dân cư;

+ Vùng nông nghiệp: Khoảng 300ha, phía Nam khu vực, tiếp giáp với Quốc lộ 49C, ngoài chức năng là vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tại các điểm đầu mối giao thông thuận lợi cần bố trí các điểm dịch vụ, văn hóa, công trình công cộng và dân cư nông thôn mới;

+ Vành đai xanh vùng đệm: Được bố trí dọc trục chính Khu kinh tế về phía Bắc trục đường bố trí dải cây xanh kết hợp cảnh quan chiều rộng 50m. Về phía Nam trục chính (đê cát qua các xã Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương) quy mô khoảng 529ha, bố trí cây xanh cách ly kết hợp cây xanh hiện hữu, vùng nông nghiệp công nghệ cao trong tương lai. Phân tách khu dân cư hiện hữu với các khu công nghiệp và tuyến đường trục chính Khu kinh tế; đồng thời đây cũng chính là dải cây xanh cách ly của tuyến đường sắt dự kiến. Trồng dải cây xanh bao ven quanh các nghĩa trang nông thôn hiện hữu, đảm bảo cải thiện vệ sinh môi trường.

+ Xây dựng, cải tạo các trung tâm xã theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

- **Khu số 6:** Khu hỗn hợp chức năng Dương - Khê có diện tích 723ha; vị trí đặt tại phía Đông - Nam của khu quy hoạch; là khu hỗn hợp các chức năng bao gồm khu dân cư; du lịch; thương - mại dịch vụ lớn của toàn bộ khu quy hoạch; tạo cơ sở hình thành một khu vực tương đương một đô thị hoàn chỉnh, tính chất cơ bản phục vụ công nghiệp và dịch vụ ven biển;

+ Các khu dân cư:

\* Khu tái định cư xã Hải Khê: Khu tái định cư cho dân cư thuộc xã Hải Khê, phục vụ di dân giải phóng mặt bằng xây dựng Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị; tổng diện tích 183ha, dân số: 3.000 người, trong đó đất xây dựng khu nhà ở tái định cư có quy mô 50ha, trung bình  $350 \div 450m^2/lô$ ; Phần diện tích còn lại dành cho đất dịch vụ 18,1ha, tái định canh nông, lâm nghiệp trên đất cát 31,8ha, nuôi trồng thủy sản 14ha, nghĩa trang tái định cư 13,4ha, tiểu thủ công nghiệp 9,6ha, và cây xanh cách ly 46,1ha;

\* Khu ở công nhân: Đây là khu ở cho công nhân làm việc trong các nhà máy công nghiệp; xây dựng theo mô hình chung cư thấp tầng, quy mô 48,9ha; dân số khoảng 11.500 người;

\* Khu ở chuyên gia: Là khu ở phục vụ các chuyên gia trong và ngoài nước; xây dựng theo mô hình biệt thự thấp tầng, có cảnh quan đẹp; quy mô 49,4ha; dân

số khoảng 2.500 người;

\* Giữ ổn định Khu dân cư hiện hữu ven biển xã Hải Khê, dự kiến dân số đến năm 2035 khoảng từ 4.000 ÷ 5.000 người.

+ Xây dựng các công trình công cộng thiết yếu phục vụ khu dân cư: Trường học 3,4ha, trung tâm y tế 1,5ha,... tại trung tâm khu vực;

+ Xây dựng Khu dịch vụ du lịch biển và sinh thái Hải Khê quy mô 53,8ha. Khai thác bãi tắm Hải Khê, xây dựng thành khu dịch vụ du lịch;

+ Xây dựng Khu dịch vụ - thương mại: Quy mô: 46,9ha theo mô hình trục phố thương mại;

+ Xây dựng Trung tâm hỗ trợ nghề cá: Quy mô 11,5ha, xây dựng cơ sở chế biến, kho thủy hải sản địa phương, cung cấp kỹ thuật, dịch vụ và hỗ trợ, thu mua thủy sản;

+ Xây dựng Khu cây xanh công viên và Trung tâm thể dục thể thao (TDTT) toàn khu: Quy mô 21,4ha, phục vụ cho toàn bộ khu quy hoạch;

+ Xây dựng Khu cây xanh, rừng phòng hộ, nghĩa trang hiện hữu được bảo vệ, trồng bao cây xanh xung quanh;

+ Xây dựng, cải tạo các trung tâm xã theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

## **6. Về kiến trúc cảnh quan**

### **6.1. Các khu vực trọng điểm bao gồm:**

- Khu các dự án động lực: Xây dựng quy mô lớn, hiện đại tương xứng vai trò trung tâm của vùng và khu vực;

- Khu vực ven biển: Ổn định không gian kiến trúc cảnh quan khu vực với mật độ thấp, các công trình xây dựng thấp tầng theo hướng sinh thái. Chiều cao công trình không cao hơn cây chủ đạo trưởng thành tại khu vực. Khai thác dải cát ven biển trở thành bãi tắm khu nghỉ dưỡng, xây dựng một số công trình dịch vụ du lịch. Xây dựng tuyến đường bao du lịch ven biển, ngăn cách giữa khu dân cư và dải cây xanh phòng hộ, bãi tắm;

- Khu vực hỗ trợ phát triển: Xây dựng một vành đai xanh và các khu chức năng hỗ trợ các dự án động lực; không gian đan xen giữa cây xanh, khu cụm công nghiệp tiêu thụ công nghiệp, các khu vực xây dựng công trình thương mại dịch vụ, tiện ích xã hội;

- Khu vực phía nam đê cát: Ổn định cấu trúc không gian, các điểm dân cư cũ được cải tạo chỉnh trang công trình kiến trúc và khuôn viên; di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường; bố trí các điểm dân cư nông thôn mới theo mô hình "đô thị - nông nghiệp", kế cận đầu mối giao thông kết hợp các điểm dịch vụ, thương mại của khu vực. Khu vực tiếp giáp 2 bên trục Quốc lộ 49C xây dựng các khu chức năng ở kết hợp thương mại, dịch vụ và văn hóa, tạo dựng hình ảnh đô



thị; giữ ổn định tối đa các điểm nghĩa địa hiện hữu trong khu vực, trồng dải cây xanh cách ly bao quanh.

#### 6.2. Các điểm nhấn chính:

- Không gian xung quanh khu vực điểm nút giao giữa trục QL15D và trục giao thông chính trung tâm; Đường Dương - Khê và trục QL49C; QL15D và QL49C bố trí các khối công trình thương mại, dịch vụ cao tầng ... cùng với quảng trường và không gian mở, tạo thành tổ hợp điểm nhấn cho toàn khu vực;

- Điểm nhấn không gian trục Dương - Khê về phía biển, xây dựng quảng trường mở thông ra phía biển;

- Điểm nhấn khu vực công chính phía Nam khu Phi thuế quan, cải tạo kênh nước hiện hữu xây dựng khu cây xanh và không gian mở.

#### 6.3. Các trục không gian chủ đạo

##### a) Trục song song ven biển:

- Trục công nghiệp: Trục không gian dọc theo trục giao thông chính trung tâm Khu kinh tế, lộ giới 140m; trên tuyến trục bố trí các chức năng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng, phi thuế quan, khu logistics, khu chế xuất; nơi diễn ra những hoạt động sản xuất và giao thương;

- Trục dân cư - dịch vụ: Trục không gian dọc theo đường QL49C; trên trục bố trí các điểm dịch vụ, văn hóa, cây xanh, đô thị hỗn hợp, tạo dựng hình ảnh một khu vực năng động và sầm uất;

- Trục cảnh quan sinh thái và du lịch ven biển, giữ gìn cảnh quan sinh thái, bãi cát và rừng phòng hộ ven biển. Dải đất 50m cây xanh ven tuyến trục bố trí các quảng trường, sân ngắm cảnh, điểm dịch vụ nhỏ phục vụ du lịch.

##### b) Trục xương ngang về phía biển:

- Trục hành lang kinh tế kỹ thuật quốc tế: Trục không gian dọc theo QL15D, là trục giao thông chính cửa ngõ, kết nối quốc tế về cả đường thủy, đường bộ và đường sắt, là tuyến kết nối năng lượng quan trọng, với trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ, tạo dựng hình ảnh hiện đại mang tầm cỡ khu vực;

- Trục du lịch, đô thị: Trục không gian dọc theo đường Dương - Khê, đường vào khu tái định cư Hải Khê và khu dân cư mới phục vụ công nhân và chuyên gia. Tại điểm đầu nút giao với đường QL49C, bố trí các công trình thương mại, dịch vụ và khu dân cư đô thị hỗn hợp; xây dựng trục cảnh quan hấp dẫn với hệ thống công viên cây xanh, công trình công cộng dịch vụ, nhà ở ...vv . Bố cục chính là điểm nhấn chính tại cuối đoạn trục, điểm nút giao với đường ven biển, tạo dựng không gian thoáng rộng của quảng trường biển, gắn kết với điểm dịch vụ du lịch nghỉ biển Hải Khê.

### 7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

## 7.1. San nền và thoát nước mưa:

### a) Cao độ nền xây dựng:

- Khu vực đất dân dụng: Cao độ khống chế nền xây dựng  $H_{XD} \geq 3,8m$ ;
- Khu vực đã xây dựng, khu dân cư hiện hữu: giữ nguyên hiện trạng. San nền cục bộ, không ảnh hưởng đến cao độ chung;
- Khu vực dự kiến xây dựng khu trung tâm, công nghiệp: Cao độ khống chế nền xây dựng  $H_{XD} \geq 4,2m$ , tần suất  $P \leq 1\%$ ;
- Khu vực cây xanh công viên cao độ nền xây dựng  $H_{XD} \geq 3.0$ .

### b) Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền theo quy mô công trình, cân bằng đào đắp tại chỗ;
- Các khu vực ven biển có cao độ nền thấp hơn cao độ khống chế giữ nguyên hiện trạng, hạn chế xây dựng, giữ cảnh quan ven biển;
- Độ dốc nền và đường khống chế theo quy chuẩn xây dựng.

### c) Hệ thống thoát nước mưa:

- Đối với khu vực xây dựng mới, xây dựng hệ thống công riêng hoàn toàn;
- Lưu vực thoát nước: Chia khu vực thiết kế thành 4 lưu vực thoát nước:
  - + Lưu vực 1: Bao gồm khu vực phía Bắc các xã: Hải Ba, Hải Quế, Hải An diện tích lưu vực 1710ha, hướng thoát nước chính ra biển;
  - + Lưu vực 2: Bao gồm khu vực phía Nam các xã: Hải Ba, Hải Quế diện tích lưu vực 893ha, hướng thoát nước chính vào sông Vĩnh Định;
  - + Lưu vực 3: Bao gồm khu vực xã Hải Khê, phía Bắc xã Hải Dương, diện tích lưu vực 1438ha, hướng thoát nước chính ra biển;
  - + Lưu vực 4: Bao gồm khu vực phía Nam xã Hải Dương diện tích lưu vực 492ha, hướng thoát nước chính vào sông Vĩnh Định.
- Cấu tạo mạng lưới thoát nước mưa: Thiết kế phân tán theo các lưu vực.

## 7.2. Giao thông:

### a) Giao thông đối ngoại

- Đường bộ:
  - + Quốc lộ 49C: Nâng cấp mở rộng đạt quy mô mặt cắt nền đường 25m; chiều rộng mặt đường 15m, lề đường  $5,0 \times 2 = 10m$ ;
  - + Quốc lộ 15D: Nâng cấp đoạn từ cảng biển Mỹ Thủy đến QL1 với quy mô mặt cắt quy hoạch 200m; bao gồm: Hành lang cây xanh ( $2 \times 50m$ ); đường điện (20m); hành lang đường sắt (15m); đường bộ 55m, trong đó: chiều rộng mặt đường:  $12 \times 2 + 7 \times 2 = 38m$ , dải phân cách:  $3 + 1 \times 2 = 5m$ , lề đường:  $6,0 \times 2 = 12m$ ;
  - + Tuyến đường trục chính phía Nam tuân thủ Quy hoạch chung xây dựng KKT, có quy mô mặt cắt 140m;

+ Đường liên khu vực: Tuyến đường chính kết nối các khu chức năng, quy mô mặt cắt ngang từ 50 ÷ 55m (ký hiệu Mặt cắt 3-3 và Mặt cắt 4-4);

+ Đường chính khu vực hướng Đông - Tây, quy mô mặt cắt 35m (Mặt cắt 5-5); trong đó: Bề rộng mặt đường:  $7,5 \times 2 + 3 \times 2 = 21\text{m}$ , dải phân cách:  $2 + 1 \times 2 = 4\text{m}$ , lề đường:  $5,0 \times 2 = 10\text{m}$ ;

- Đường thủy: Cảng biển Mỹ Thủy thực hiện theo Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành riêng;

- Đường sắt: Tuân thủ định hướng trong đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

*b) Giao thông đối nội:*

- Đường khu vực kết nối các khu chức năng quy mô mặt cắt 25m (Mặt cắt 6-6) bề rộng nền đường 25m, trong đó; mặt đường 15m; lề đường:  $5,0 \times 2 = 10\text{m}$ .

- Đường phân khu vực: Xây dựng mới kết hợp tận dụng các tuyến đường hiện hữu nâng cấp thành đường phân khu vực, quy mô mặt cắt 17,5m (Mặt cắt 7-7) mặt cắt nền đường rộng 17,5m, trong đó: Nền đường: 7,5m; lề  $5,0 \times 2 = 10\text{m}$ .

*c) Các công trình giao thông khác:*

- Hệ thống bến bãi đỗ xe: Bố trí một bến xe khách quy mô 3ha tại xã Hải Dương và một bến xe tải quy mô 3,5ha tại khu vực cảng Mỹ Thủy;

- Nút giao thông: Xây dựng nút giao cắt dạng liên thông trục chính hướng Bắc - Nam với trục chính hướng Đông - Tây, quy mô 30ha;

Các nút giao thông khác sử dụng giao cắt bằng cốt kết hợp đèn tín hiệu giao thông, đảm bảo an toàn cho người đi bộ, an toàn đường sắt, kết hợp các công trình kiến trúc tạo điểm nhấn không gian;

- Cầu: Xây dựng cầu các kênh mương và các trục tiêu thoát nước chính.

*d) Giao thông công cộng:*

Xây dựng hai tuyến xe bus: 01 tuyến dọc theo trục đường liên khu vực, qua khu vực cảng biển Mỹ Thủy, điểm cuối bến tại bến xe khách tại xã Hải Dương; 01 tuyến chạy dọc theo đường vành đai theo QL15D đi QL1.

**7.3. Quy hoạch cấp nước:**

- Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước sạch:  $47.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ ; Nước thô:  $225.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ ;

- Nguồn nước: Từ nguồn nước mặt sông Nhùng, nước hồ đập Trám và kênh chính hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn;

- Công trình đầu mối: Xây dựng 01 trạm bơm tăng áp, công suất giai đoạn đầu là:  $50.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ . Nước thô làm mát của Nhà máy nhiệt điện lấy từ nước biển. Nước thô khác từ nguồn nước mặt sông Nhùng, khi cần thiết bổ sung từ

nước hồ đập Trám;

- Mạng lưới đường ống:

+ Sử dụng mạng lưới kiểu hỗn hợp kết hợp mạng vòng và mạng cụt;

+ Ống cấp nước bố trí dưới vỉa hè, độ sâu chôn ống loại đường kính  $\geq$  D100 là 1,0 ÷ 1,2m, ống có đường kính  $\leq$  D100 độ sâu đặt ống là 0,7 ÷ 1,0m;

+ Vật liệu ống bằng nhựa HDPE(PE100) đối với loại ống D32÷D110, bằng gang khi đường kính ống  $\geq$  D150;

- Cấp nước chữa cháy: Hệ thống cấp nước chữa cháy trong Khu vực sử dụng hệ thống chữa cháy áp lực thấp; trên mạng đường ống cấp nước sạch bố trí các trụ cứu hoả D100 - D125mm dọc các trục đường chính với khoảng cách 150 - 300m bố trí 1 trụ; bố trí thêm các trụ cứu hoả D125mm trên mạng đường ống dẫn nước thô để tăng nguồn dự trữ nước chữa cháy; ngoài ra các nhà máy xí nghiệp công nghiệp phải có hệ thống phòng cháy chữa cháy riêng để chủ động chữa cháy.

7.4. Quy hoạch cấp điện:

- Phụ tải điện: Tổng công suất là 164.88MW, tương đương 183.2MVA;

- Nguồn điện:

+ Nguồn 500KV và 220KV: Xây dựng mới trạm 500KV và trạm 220KV KKT Đông Nam Quảng Trị trong khu vực Nhà máy nhiệt điện;

*Giai đoạn 1:* Sử dụng nguồn điện từ trạm biến áp Đông Hà công suất 220/110KV - 2x125KVA;

*Giai đoạn 2:* Khi tổ máy của Nhà máy nhiệt điện phát điện lên lưới 500KV và 220KV thì xây dựng đường dây 220KV chạy từ Nhà máy - Đông Hà với chiều dài 20km;

+ Nguồn 110KV: Xây dựng mới trạm 110/22KV Mỹ Thủy, công suất 2x40MVA đấu nối từ trạm biến áp 110/22KV Diên Sanh; xây dựng mới 3 trạm 110KV công suất mỗi trạm 2x40MVA trong khu vực quy hoạch;

- Lưới điện 22KV:

+ Các đường trung thế 22KV tại các cụm công nghiệp được thiết kế mạch vòng, vận hành hở; cấp điện từ 2 trạm biến áp 110KV hoặc từ 2 thanh cái phân đoạn của trạm 110KV có 2 máy biến áp;

+ Các khu vực có yêu cầu an toàn công nghiệp, mỹ quan đô thị sử dụng các đường dây cáp ngầm khô, ruột đồng, cách điện XLPE có tiết diện chung  $\geq$  240mm<sup>2</sup> và đấu nối chuyển tiếp;

+ Trạm biến áp phân phối 22/0,4KV: Đối với công nghiệp chọn gam công suất theo từng loại hình; các trạm biến khác sử dụng trạm treo công suất từ 50-

630KVA; các trạm biến thế, công suất 2000 - 4000KVA;

+ Lưới điện 0,4KV: Tại các khu dân cư, dùng dây nổi có bọc cách điện ABC, trục chính có tiết diện từ  $70 \div 120\text{mm}^2$ , nhánh rẽ từ  $35 \div 70\text{mm}^2$ ;

+ Lưới điện chiếu sáng đường:

\* Các đường có mặt cắt ngang nền đường từ 10,5m trở lên, đèn bố trí ở 2 bên lề đường; các đường có mặt cắt ngang đường nhỏ hơn 10,5m bố trí đèn ở 1 bên lề đường;

\* Trong khu cảng thương mại, khu logistics, khu kho cảng xăng dầu bố trí đèn bằng các cột thép, bát giác cao 30m, điều khiển tự động; trong khu Nhà máy nhiệt điện, khu dịch vụ hậu cảng, đường bao dùng cột đèn cao áp bằng thép cao  $8 \div 12\text{m}$ ;

\* Với đường có dải phân cách lớn hơn 6,0m bố trí đèn hai bên đường đối diện nhau, ở dải phân cách dùng đèn cầu trang trí cao 4,0m thân nhôm; khoảng cách giữa các đèn khoảng  $20 \div 25\text{m}$ .

7.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Khối lượng nước thải, chất thải rắn: Tổng lượng nước thải khoảng  $50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ , trong đó: Khối lượng nước thải sinh hoạt  $16.213\text{m}^3/\text{ngđ}$ , khối lượng nước thải công nghiệp  $33.787\text{m}^3/\text{ngđ}$ ; Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt  $49,5\text{tấn}/\text{ngày đêm}$ , khối lượng chất thải rắn công nghiệp dự kiến  $719,9\text{tấn}/\text{ngày đêm}$ ;

- Thoát nước thải: Chia khu quy hoạch thành 06 lưu vực thoát nước thải:

+ Lưu vực 1: Khu tái định cư xã Hải An, nước thải được thu gom từ các tuyến ống có đường kính D300mm đưa về trạm xử lý nước thải tại vị trí khu đất cây xanh phía Tây - Bắc với công suất  $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

+ Lưu vực 2: Khu hỗn hợp dầu khí, nước thải được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống riêng có đường kính D200 ÷ D300mm, xử lý riêng tại NM XLNT CN1 có công suất:  $20.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

+ Lưu vực 3: Xử lý nước dằn tàu khu vực cảng; xây dựng trạm làm sạch ở gần cảng. Mạng lưới thu nước trong khu vực cảng được thiết kế theo dự án riêng, nước thải sau khi xử lý qua trạm làm sạch sẽ dẫn về NM XLNT CN2 để xử lý lần 2 đạt tiêu chuẩn quy định;

Khu dịch vụ hậu cần cảng, phi thuế quan, nước thải được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống riêng có đường kính D200÷ D300mm, xử lý tại NM XLNT CN2 có công suất:  $10.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

+ Lưu vực 4: Khu công nghiệp nhiệt điện, nước thải khu vực này được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống riêng có đường kính D200 ÷ D300mm, xử lý riêng tại NM XLNT CN3 có công suất:  $10.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

+ Lưu vực 5: Khu hỗn hợp chức năng Dương - Khê, nước thải được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống có đường kính D200 ÷ D300mm, đưa về nhà máy xử lý nước thải SH2 có công suất: 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Lưu vực 6: Khu vực dân cư hiện trạng phía Nam, nước thải khu vực này sẽ được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại, sau đó xả ra các bãi lọc trồng cây để xử lý sinh học hoặc xử lý theo từng khu, cụm dân cư bằng các bể XLNT công suất nhỏ;

- Quy hoạch chất thải rắn (CTR): Khối lượng CTR phát sinh toàn khu vực khoảng 770 tấn/ngày đêm;

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Xây dựng 03 trạm trung chuyển CTR sinh hoạt; Rác thải được vận chuyển đến: Bãi chôn lấp xã Hải Lâm, diện tích 6ha; Bãi chôn lấp xã Hải Thọ, diện tích 20ha; Bãi chôn lấp xã Hải Sơn, diện tích 10ha;

+ Chất thải rắn công nghiệp: Chất thải rắn công nghiệp được phân loại, tái sử dụng tại nguồn; phần còn lại không sử dụng được sẽ vận chuyển đến nhà máy xử lý CTR công nghiệp tập chung của KKT;

- Nghĩa trang:

+ Nghĩa trang hiện có: Ổn định tối đa hệ thống nghĩa trang tập trung hiện có; dừng việc chôn cất hung táng, tiến hành cải tạo chỉnh trang, trồng bao cây xanh, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Với các nghĩa trang nhỏ lẻ, nằm phân tán phải di dời quy tụ thành khu vực tập trung đến vị trí thuận lợi, phù hợp phong tục tập quán của địa phương; bố trí kết hợp trong vùng cây xanh cách ly, vùng đệm kề cận;

+ Nghĩa trang xây dựng mới: Theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt; bố trí 02 nghĩa trang tái định cư quy mô khoảng 10ha/NT.

## **8. Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)**

### **8.1. Định hướng chung**

- Giai đoạn đến năm 2025, phải có biện pháp xử lý ô nhiễm nhất là ô nhiễm không khí và ô nhiễm môi trường nước đối với các CCN, các khu công nghiệp và nhà máy nhiệt điện than;

- Xử lý triệt để khói thải và tro xỉ do nhà máy nhiệt điện than phát thải trong quá trình hoạt động;

- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong khu vực quy hoạch;

- Khi bố trí các nhà máy trong KCN cần phân chia thành các nhóm ngành theo các mức độ ô nhiễm nặng, trung bình, nhẹ để bố trí gần nhau. Các nhà máy

ô nhiễm nặng bố trí cuối hướng gió so với nhà máy ô nhiễm nhẹ hoặc không ô nhiễm. Khu xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải rắn bố trí cuối hướng gió.

## 8.2. Phân vùng môi trường:

- Phân vùng 1: Khu vực đô thị và khu vực tái định cư, xây dựng khu xử lý nước thải sinh hoạt, khu xử lý và chôn lấp rác thải tập trung;

- Phân vùng 2: Khu vực nông nghiệp, nông thôn phía Nam; quy hoạch khu chôn lấp rác thải cho khu vực nông thôn; hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, sử dụng các loại thuốc trừ sâu trong danh mục cho phép; khuyến khích sử dụng phân bón vi sinh;

- Phân vùng 3: Khu công nghiệp, nhà máy nhiệt điện than, xây dựng khu xử lý nước thải, rác thải công nghiệp cục bộ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; trồng dải cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp và khu tái định cư; đối với nhà máy nhiệt điện than áp dụng hệ thống xử lý khói thải và tro xỉ công nghệ hiện đại;

- Phân vùng 4: Khu du lịch sinh thái ven biển; nước thải, rác thải tại khu du lịch sinh thái phải được đưa về khu xử lý tập trung; vận động người dân, khách du lịch giữ gìn vệ sinh chung, không vứt, xả rác bừa bãi; giám sát nghiêm ngặt quá trình xử lý và xả thải của các nhà máy ra môi trường;

- Phân vùng 5: Khu vực nghĩa trang, giành quỹ đất cho xây dựng nghĩa trang tập trung của KKT Đông Nam Quảng Trị; khoanh trồng cây xanh quanh các khu nghĩa địa hiện hữu; tích cực vận động người dân di dời các khu mộ về khu vực nghĩa trang tập trung.

## 8.3. Giải pháp về kỹ thuật

- Hệ thống kết cấu hạ tầng phải được thiết kế đồng bộ phải tuân theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam;

- Bố trí địa điểm tạm lưu giữ và trung chuyển chất thải rắn; phải xác định rõ cơ sở tiếp nhận, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại;

- Phải tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới thu gom nước thải công nghiệp phải có vị trí, cốt hố gas phù hợp để đấu nối với điểm xả nước thải của các doanh nghiệp trong KCN;

- Trong các KCN phải có nhà máy xử lý nước thải tập trung; các nhà máy này có thể chia thành nhiều đơn nguyên (modun) nhưng phải đảm bảo tổng công suất đủ để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường. Các nhà máy xử lý nước thải tập trung phải thiết kế lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu nêu trong Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án;

- Trong nhà máy nhiệt điện than phải có trạm xử lý nước thải riêng biệt, các khu xử lý khói thải và tro xỉ áp dụng công nghệ tiên tiến đảm bảo xử lý triệt để trong quá trình sản xuất, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường;

- Xây dựng đầy đủ hệ thống các trạm quan trắc môi trường nước, không khí, tiếng ồn, nước.

8.4. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường do công nghiệp bao gồm:

- Phân luồng dòng thải; Tuần hoàn tái sử dụng nước làm mát; Khởi thông hệ thống thoát nước thải, bố trí hố ga và đặt thùng thu gom chất thải rắn... Nước thải sản xuất từ nhà máy nhiệt điện phải xử lý lắng, giảm nhiệt độ, trung hòa đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; Nước thải sinh hoạt từ các khu dân sinh phải được thu gom và xử lý; Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án phải được thu gom về hồ điều hòa, xử lý;

- Nước thải công nghiệp phải được giám sát chặt chẽ, toàn bộ quá trình xả thải phải đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn môi trường trước khi ra nguồn tiếp nhận;

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ nhà máy nhiệt điện phải được phân loại tại nguồn và thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

8.5. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật ứng phó với BĐKH.

- Hoàn thiện hàng rào chắn gió, cát bay; chủ động tích nước trên các hồ đập thủy lợi; kịp thời hướng dẫn nông dân các giải pháp khắc phục thiệt hại...; bố trí lại cơ cấu cây trồng phù hợp...; lắp đặt các trạm giám sát thời tiết và thủy văn theo dõi sự thay đổi của khí hậu ảnh hưởng trực tiếp lên khu vực để kịp thời đưa ra giải pháp ứng phó;

- Đối với các công trình trọng điểm khi xây dựng định hướng dài hạn đảm bảo ứng phó tốt trước sự thay đổi của khí hậu như gió, bão hay nước biển dâng.

## **9. Dự án ưu tiên đầu tư**

9.1. Dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đầu đến năm 2020:

- Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị 1;
- Cảng biển nước sâu Mỹ Thủy giai đoạn 1;
- Đường trục chính dọc Khu kinh tế Đông Nam mặt cắt quy hoạch 50m;
- Quốc lộ 15D đoạn qua khu vực;
- Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 49C đoạn qua khu vực;
- Hệ thống cấp nước, cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất;
- Hệ thống đường giao thông nông thôn các xã thuộc khu vực;



- Dự án tái định cư xã Hải An 40ha;
- Dự án tái định cư xã Hải Khê khoảng 50ha;
- Đường vào khu tái định cư xã Hải Khê (đường Dương - Khê);
- Dự án khu nhà ở công nhân 30ha;
- Dự án khu nhà ở chuyên gia 10ha;

## 9.2. Dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đầu đến năm 2025:

- Các khu, điểm dân cư: Hoàn thiện dự án tái định cư xã Hải An 170ha; khu nhà ở công nhân; khu nhà ở chuyên gia;

- Hạ tầng kỹ thuật:

- + Nâng cấp, hoàn thiện Quốc lộ 49C đoạn qua khu vực, mặt cắt nền 25m
- + Nâng cấp, hoàn thiện quốc lộ 15D đoạn qua khu vực, mặt cắt nền 55m;
- + Đường trục chính nội địa (sát đê cát) đoạn qua khu vực, mặt cắt nền 55m;
- + Trạm biến áp Mỹ Thủy 110/22KV Mỹ Thủy quy mô công suất 2x40MVA;

+ Hệ thống cấp nước cho các dự án động lực;

+ Xây dựng hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước thải, nước mưa, quản lý, thu gom và xử lý 100% chất thải công nghiệp và sinh hoạt và hệ thống giao thông điểm dân cư nông thôn.

- Kinh tế - xã hội:

- + Trung tâm tiếp nhận, xử lý khí (Khu phức hợp năng lượng giai đoạn 1);
- + Dự án khu Logistics kế cận cảng 70ha;
- + Dự án điểm dịch vụ du lịch và bãi tắm Hải Khê 53,8ha;
- + Điểm công nghiệp địa phương tại các xã, mỗi điểm 10ha;
- + Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa tại các xã, điểm dân cư;
- + Khu đất dịch vụ thuộc xã Hải Dương 15ha;
- + Khu đất dịch vụ xã Hải Khê 9ha;
- + Khu đất dịch vụ thuộc xã Hải Quế 15ha;
- + Xây dựng trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp: Trung tâm nghề cá. Cụm đổi mới tại các xã mỗi điểm 5ha;

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND huyện Hải Lăng tổ chức công bố, công khai quy hoạch và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng.

2. Giao Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị tiếp nhận, quản lý và lưu

giữ hồ sơ đồ án theo đúng quy định; kiểm tra giám sát việc triển khai đầu tư xây dựng các dự án, phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành địa phương liên quan trong quá trình triển khai.

4. Giao Sở Xây dựng kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy hoạch và tham gia quản lý khu vực theo đúng quy hoạch được duyệt; đồng thời lưu giữ hồ sơ theo quy định.

5. Giao UBND huyện Hải Lăng xây dựng kế hoạch, lộ trình, biện pháp di dời các khu vực dân cư, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư để triển khai theo đúng quy hoạch được duyệt.

6. Các Sở, Ban ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện Hải Lăng thực hiện Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị - giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000 theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (bc);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Các đ/c UV BTV Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP: T.ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Báo Quảng Trị; Đài PT-TH tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND huyện Hải Lăng;
- UBMT TQVN huyện Hải Lăng;
- Các PVP, CV;
- Lưu VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chính**